

Bài tập chứng khoán.

Câu 1: Nếu có một nhà đầu tư đang tìm kiếm cơ hội đầu tư một khoản vốn lớn vào lĩnh vực chứng khoán, nhà đầu tư này sẵn sàng chấp nhận rủi ro với mục tiêu gia tăng quy mô vốn trong tương lai. Vậy nhà đầu tư này nên lựa chọn loại chứng khoán nào sau đây:

- A. Cổ phiếu phổ thông (Common stock).
- B. Cổ phiếu thu nhập (income stock).
- C. Cổ phiếu có chất lượng tốt (blue chip stock).
- D. Cổ phiếu tăng trưởng (growth stock).

Câu 2: Trong một cuộc họp thường niên của đại hội đồng cổ đông tại một công ty cổ phần có 9 ứng cử viên vào hội đồng quản trị, một nhà đầu tư đang nắm giữ 1000 cổ phần tại công ty này có thể bỏ tối đa cho mỗi ứng cử viên bao nhiêu phiếu theo phương thức bỏ phiếu cộng dồn.

- A. 1000
- B. 0
- C. 4000
- D. 9000

Câu 3: Một công ty phát hành và đang lưu hành một loại cổ phiếu ưu đãi không cộng dồn cổ tức (non-cumulative preferred stock), cổ tức được trả mỗi năm là 1000đ cho mỗi cổ phần. Nếu vào năm trước đó công ty không có khả năng chi trả cổ tức thì vào năm hiện tại các cổ đông nắm giữ cổ phiếu này sẽ nhận được cổ tức cho mỗi cổ phần này là :

- A. 1000đ
- B. 2000đ
- C. 3000đ
- D. 4000đ

Câu 4: Theo luật chứng khoán Việt Nam 2006 điều kiện phát hành cổ phiếu ra công chúng bao gồm những điều sau ngoại trừ:

- A. Doanh nghiệp có mức vốn điều lệ đã góp tại thời điểm đăng ký chào bán từ 10 tỷ VND trở lên tính theo giá trị ghi trên sổ sách kế toán.
- B. Hoạt động kinh doanh của năm liền trước năm đăng ký chào bán phải có lãi tối thiểu 100 triệu đồng.
- C. Có phương án phát hành và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- D. Hoạt động kinh doanh của năm liền trước năm đăng ký chào bán cổ phiếu có lãi đồng thời không có lỗ lũy kế tính đến năm đăng ký chào bán.

Câu 5: Các trường hợp sau đây không phải đăng ký chào bán chứng ra công chúng ngoại trừ:

- A. Chào bán trái phiếu của Chính phủ Việt Nam.

- B. Cháo bán trái phiếu của tổ chức tài chính quốc tế được chính phủ Việt Nam chấp thuận.
- C. Chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư ra công chúng.
- D. Chào bán cổ phiếu ra công chúng của doanh nghiệp nhà nước chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Câu 6: Bản cáo bạch (prospectus) là:

- A. là tài liệu thông báo doanh nghiệp đủ điều kiện niêm yết.
- B. là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán hoặc niêm yết chứng khoán của tổ chức phát hành.
- C. Cả A và B đều sai.
- D. Cả A và B đều đúng.

Câu 7: Mệnh giá cổ phiếu, chứng chỉ quỹ chào bán lần đầu ra công chúng tại Việt Nam là:

- A. 100.000 VNĐ
- B. 1.000.000 VNĐ
- C. 10.000 VNĐ
- D. 100.000 và bội của 100.000.

Câu 8: Nghĩa vụ của công ty đại chúng:

- A. Công bố thông tin theo quy định của Luật chứng khoán.
- B. Tuân thủ các nguyên tắc quản trị công ty theo quy định của Luật doanh nghiệp và quản trị công ty.
- C. Thực hiện đăng ký, lưu ký chứng khoán tập trung tại trung tâm lưu ký chứng khoán.
- D. Tất cả các phương án trên đều đúng.

Câu 9: Một trái phiếu chuyển đổi có mệnh giá 1000 USD giá chuyển đổi là 40 USD/cổ phiếu. Thị giá cổ phiếu đang là 1.130 USD và thị giá trái phiếu đang là 45 USD. Công ty cổ phần cũng đang đề nghị mua lại trái phiếu với giá 1.080 USD. Vậy nhà đầu tư đang nắm giữ trái phiếu này nên chọn theo phương án nào:

- A. Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu phổ thông.
- B. Bán trái phiếu.
- C. Cho phép công ty cổ phần mua lại.
- D. Tiếp tục nắm giữ trái phiếu này.

Câu 10: Xét về mức độ rủi ro, cổ phiếu ưu đãi cổ tức:

- A. Rủi ro hơn cổ phiếu phổ thông.
- B. Rủi ro hơn trái phiếu.
- C. Ít rủi ro hơn cổ phiếu phổ thông.
- D. Phương án B và C đúng.

Câu 11: Ưu điểm cơ bản của việc phát hành cổ phiếu phổ thông là:

- A. Không chịu áp lực trả lãi và hoãn vốn đúng hạn.
- B. Có thêm cổ đông mới.
- C. Chi phí phát hành thấp.
- D. Tất cả các phương án trên đều đúng.

Câu 12: Về thứ tự thanh toán chi phí và lợi nhuận tại công ty cổ phần.

- A. Lãi vay được trả trước thuế.
- B. Chi phí lãi trái phiếu trả sau thuế.
- C. Chi trả cổ tức được trả sau thuế.
- D. Cả A và C đều đúng.

Câu 13: Thặng dư vốn (capital surplus) trong phần vốn cổ đông trên bảng cân đối kế toán được phát sinh do:

- A. Có chênh lệch giá giữa giá bán cổ phiếu (khi phát hành) và mệnh giá.
- B. Là phần lợi nhuận giữ lại sau khi chia cổ tức cho cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông.
- C. Cả A và B đều đúng.
- D. Cả A và B đều sai.

Câu 14: Khi lãi suất trên thị trường thay đổi thì giá của trái phiếu sẽ.

- A. Không thay đổi.
- B. Thay đổi ngược chiều với lãi suất thị trường.
- C. Thay đổi bất kỳ theo chiều hướng nào.
- D. Thay đổi cùng chiều với lãi suất thị trường.

Câu 15: Trái phiếu khả hoán có mệnh giá 1000\$ được chuyển đổi với giá chuyển đổi là 12,5\$ cho mỗi cổ phiếu thường. Nếu giá trái phiếu giảm xuống còn 900 USD thì giá ngang bằng của mỗi cổ phiếu mới là:

- A. 12,5\$
- B. 12 \$
- C. 7,2\$
- D. 11,25\$

Câu 16: Theo lý thuyết Dow (the Dow theory):

- A. Giá của chứng khoán biến động theo 3 xu hướng.
- B. Chỉ số giá chứng khoán phản ánh tất cả các hành vi của thị trường.
- C. Giá cả của chứng khoán biến động theo 3 giai đoạn.
- D. Phương án A và B đúng.

Câu 17: Xác định giá giao dịch của cổ phiếu PH với số liệu về tình hình đặt lệnh tại thời điểm t như sau:

Mua (lô chẵn)	Giá	Bán (lô chẵn)
2000	50.000	0
1300	50.100	600

1000	50.200	900
800	50.300	1200
400	50.400	1400
0	50.500	1500

- A. 50.200
- B. 50.100
- C. 50.300
- D. 50.400

Câu 18: Thị trường chứng khoán sơ cấp (primary market).

- A. là thị trường giao dịch giữa các chứng khoán đã phát hành ở thị trường thứ cấp.
- B. Biểu hiện cụ thể của thị trường này là Sở giao dịch chứng khoán.
- C. Chính là thị trường tạo vốn chính cho đơn vị phát hành.
- D. Tất cả các phương án trên đều đúng.

Câu 19: Chỉ số Dow Jones công nghiệp (DJIA) được tính cho 30 loại cổ phiếu mạnh nhất thuộc lĩnh vực công nghiệp được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán New York. Giả sử vào ngày 20 tháng 1 năm 2007, giá trị chỉ số này là 10.278,54 điểm (số chia d là 0.502). Nếu cổ phiếu của một trong 30 công ty niêm yết có thị giá mỗi cổ phiếu là 30\$ được thay thế bằng cổ phiếu của công ty khác có thị giá là 40\$. Vậy chỉ số DJIA lúc này là

- A. 10.318,54 điểm.
- B. Tăng 10 điểm.
- C. Giữ nguyên.
- D. Giảm 10 điểm.

Câu 20: Câu nào sau đây đúng về quỹ đầu tư dạng đóng (closed-end fund):

- A. Chấp nhận mua lại chứng chỉ đầu tư theo giá trị tài sản thuần.
- B. Liên tục phát hành chứng chỉ đầu tư để mở rộng quy mô.
- C. Nếu đủ điều kiện có thể tham gia niêm yết trên thị trường chứng khoán tập trung.
- D. Mua lại chứng chỉ quỹ đầu tư do quỹ này phát hành trước thời gian đáo hạn.

Câu 21: Công ty HAR có 6 triệu cổ phiếu phổ thông đang lưu hành. Thu nhập sau thuế của công ty hiện là 2.000.000 \$. Công ty quyết định phân ngược chứng khoán 3 thành 1. EPS mới của công ty là:

- A. 1\$
- B. 0,17\$
- C. 1,33\$
- D. 0,1\$

Câu 22: Câu nào sau đây mô tả đúng về rủi ro hệ thống.

- A. Không thể phân tán khi đa dạng hóa.
- B. Được đo bằng hệ số beta
- C. Cả A và B đều đúng.
- D. Cả A và B đều sai.

Câu 23: Một công ty có cổ phiếu đang được bán với giá 40\$/cổ phiếu. Nếu tất cả các trái chủ của công ty đều chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu thì:

- A. EPS sẽ tăng.
- B. EPS sẽ giảm.
- C. EPS không đổi.
- D. EPS không đổi còn P/E thì giảm.

Câu 24: Câu nào sau đây mô tả đúng nhất danh mục thị trường (market portfolio)

- A. là danh mục đầu tư bao gồm tất cả các chứng khoán trên thị trường trong đó tỷ trọng của mỗi chứng khoán tương ứng với giá trị thị trường của chứng khoán đó.
- B. Có hệ số beta bằng 1.
- C. Đây là danh mục đầu tư có mức độ rủi ro lớn nhất.
- D. Phương án A và B đúng.

Câu 25: Một quỹ tương hỗ đầu tư có giá trị NVA hiện là 10.12\$. Nhà đầu tư phải trả phí bán là 8%. Tổng giá trị mua của một nhà đầu tư là 22.000\$. Vậy nhà đầu tư đã mua bao nhiêu chứng chỉ quỹ đầu tư.

- A. 922
- B. 1000
- C. 564
- D. 2000

Câu 26. Tình huống nào sau đây sẽ làm tăng thu nhập trên mỗi cổ phiếu.

- A. Tăng thu nhập sau thuế.
- B. Trả cổ tức bằng tiền mặt
- C. Chia tách cổ phiếu.
- D. A và C đúng.

Câu 27: Thị trường chứng khoán thứ cấp (secondary market).

- A. Trực tiếp huy động vốn cho đơn vị phát hành và cho nền kinh tế.
- B. Là tiền đề cho sự phát triển của thị trường chứng khoán.
- C. Là thị trường mua bán của các chứng khoán đã phát hành trên thị trường sơ cấp.
- D. B và C đúng.

Câu 28: Khoản mục nào sau đây không bị ảnh hưởng bởi việc phát hành thêm cổ phiếu.

- A. Vốn chủ sở hữu.

- B. Tổng tài sản.
- C. Nợ dài hạn.
- D. Tài sản cố định.

Câu 29: Công ty HA có tốc độ tăng trưởng đều là 7%/năm (khả năng sinh lợi và cổ tức) trong vài năm qua. Tốc độ tăng trưởng này dự tính sẽ còn duy trì trong các năm tới. Hiện nay giá mỗi cổ phiếu của công ty đang là 321.000 VNĐ và cổ tức là 30.000 VNĐ. Hãy tính tỷ suất sinh lợi kỳ vọng của cổ phiếu HA.

- A. 16%.
- B. 17%.
- C. 16,8%.
- D. 17,5%.

Câu 30: Khi công ty công bố trả cổ tức bằng tiền mặt thì (1) tài sản lưu động giảm; (2) nợ ngắn hạn giảm; (3) nợ ngắn hạn tăng; (4) vốn cổ đông giảm

- A. 1 và 4 đúng.
- B. 1 và 3 đúng.
- C. 2 và 4 đúng.
- D. 3 và 4 đúng.

Câu 31: Chỉ tiêu nào sau đây sẽ được nhà phân tích sử dụng để kiểm tra cơ cấu vốn của một doanh nghiệp.

- A. Tỷ số tài chính lưu động.
- B. Chỉ số tài sản nhạy cảm.
- C. Tỷ số P/E.
- D. Tỷ số nợ trên vốn cổ đông.

Câu 32: Nhà đầu tư có thể tìm thấy tất cả các thông tin sau trên bảng tổng kết tài sản của công ty, trừ.

- A. Tổng tài sản của công ty.
- B. Vốn chủ sở hữu.
- C. Tiền mặt.
- D. Chi phí từ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Câu 33. Nhà đầu tư mua 10 trái phiếu có mệnh giá là 100 USD, có lãi suất danh nghĩa là 6%/năm với giá 900 USD. Vậy hàng năm nhà đầu tư sẽ nhận được tiền lãi là:

- A. 6 USD.
- B. 600 USD.
- C. 60 USD.
- D. 54 USD.

Câu 34. Hình thức bảo lãnh mà trong đó tổ chức bảo lãnh phát hành cam kết sẽ mua toàn bộ chứng khoán của tổ chức phát hành cho dù họ có thể bán hết hay

không được gọi là:

- A. Bảo lãnh tất cả hoặc là không.
- B. Bảo lãnh với cố gắng tối đa.
- C. Bảo lãnh với cam kết chắc chắn.
- D. Bảo lãnh với hạn mức tối thiểu.

Câu 35: Trật tự ưu tiên theo phương thức khớp lệnh là:

- A. Thời gian, giá, khách hàng, số lượng.
- B. Giá, thời gian, khách hàng, số lượng.
- C. Số lượng, khách hàng, thời gian, giá.
- D. Thời gian, giá, số lượng, khách hàng.

Câu 36: Lệnh giới hạn (limit order) là loại lệnh:

- A. Được ưu tiên thực hiện trước các loại lệnh khác.
- B. Được thực hiện theo giá thị trường.
- C. Chỉ sử dụng cho hạn chế một số nhà đầu tư ưu tiên.
- D. Được thực hiện trong phạm vi mức giá mà người đặt lệnh chỉ định.

Câu 37: Nhà đầu tư M vừa bán 100 cổ phiếu XYZ với giá 40\$/cổ phiếu. Nhà đầu tư này mua lô cổ phiếu đó 1 năm trước với giá 20\$/cổ phiếu, năm vừa qua ông ta có nhận cổ tức với mức 2 USD/cổ phiếu. Vậy thu nhập trước thuế của nhà đầu tư M từ 100 cổ phiếu XYZ là:

- A. 1000 \$
- B. 1200 \$
- C. 2400 \$
- D. Không xác định được.

Câu 38: Nhà phát hành dự định chào bán hai loại trái phiếu. Loại thứ nhất có thời hạn 5 năm và loại thứ hai có thời hạn 15 năm. Như vậy nhà phát hành phải định mức lãi suất cho 2 loại trái phiếu trên như thế nào?

- A. Lãi suất trái phiếu loại thứ nhất cao hơn lãi suất trái phiếu loại thứ hai.
- B. Lãi suất trái phiếu loại thứ nhất thấp hơn lãi suất trái phiếu loại thứ hai.
- C. Lãi suất của hai loại bằng nhau.
- D. Chưa có đủ cơ sở để so sánh.

Câu 39: Người bán khống chứng khoán (short sale) sẽ thực hiện bán khống chứng khoán khi họ dự đoán giá của chứng khoán sẽ.

- A. Tăng.
- B. Giảm
- C. Không thay đổi.
- D. Có biến động tăng giảm thất thường.

Câu 40: Lệnh dừng để mua được đưa ra với mức:

- A. Thấp hơn giá trị thị trường hiện hành.
- B. Cao hơn giá trị thị trường hiện hành.

- C. Có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị thị trường hiện hành.
- D. Ngay tại giá trị hiện hành.

Câu 41: Công ty cổ phần bắt buộc phải có

- A. Cổ phiếu ưu đãi.
- B. Cổ phiếu phổ thông.
- C. Trái phiếu.
- D. Tất cả các loại chứng khoán trên.

Câu 42: Chứng quyền (warrant) khác quyền chọn mua (call option) ở điểm sau.

- A. Về chủ thể phát hành.
- B. Khi chứng quyền được thực hiện thì số chứng khoán cơ sở đang lưu hành sẽ tăng còn khi quyền chọn mua được thực hiện thì số chứng khoán cơ sở đang lưu hành không thay đổi.
- C. Chứng quyền giá thực hiện thấp hơn giá trị thị trường hiện hành.
- D. A và B đúng.

Câu 43: Tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết phải công bố thông tin bất thường trong thời gian.

- A. 10 tiếng kể từ khi sự kiện xảy ra.
- B. 24 giờ kể từ khi sự kiện xảy ra.
- C. 30 tiếng kể từ khi sự kiện xảy ra.
- D. 48 tiếng kể từ khi sự kiện xảy ra.

Câu 44: Chứng khoán bị đưa vào diện kiểm soát và tạm dừng giao dịch khi;

- A. Tổ chức niêm yết vi phạm quy định về công bố thông tin.
- B. Tài sản ròng của tổ chức phát hành là số âm.
- C. Không còn đáp ứng được điều kiện niêm yết.
- D. Tất cả các phương án trên.

Câu 45: Khi lãi suất thị trường thay đổi thì giá của trái phiếu sẽ.

- A. Thay đổi cùng chiều với lãi suất thị trường.
- B. Thay đổi ngược chiều với lãi suất thị trường.
- C. Cả A và B đều đúng.
- D. Cả A và B đều sai.

Câu 46: Một công ty dự kiến thay toán cổ tức cho mỗi cổ phần là 3000 VNĐ. Cổ tức dự kiến sẽ tăng trưởng ổn định 11%/năm.. Hỏi giá cổ phiếu của công ty này sẽ là bao nhiêu nếu cổ đông yêu cầu tỷ lệ lãi là 14% trên vốn đầu tư cho cổ phiếu.

- A. 102.000 VNĐ.
- B. 100.000 VNĐ.
- C. 104.00 VNĐ.
- D. 98.000 VNĐ.

Câu 47: Trong một cuộc họp thường niên của đại hội đồng cổ đông có 5 ứng cử viên vào Hội đồng quản trị, một cổ đông nắm giữ 1000 cổ phiếu có quyền biểu quyết. Vậy ông ta có thể bỏ phiếu tối thiểu là bao nhiêu cho mỗi ứng cử viên.

- A. 200
- B. 100
- C. 0
- D. 1000

Câu 48: Công ty BBA có 1.000.000 cổ phiếu đang lưu hành và tuyên bố trả cổ tức bằng 30% chứng khoán. Một nhà đầu tư hiện đang sở hữu 1000 cổ phần của công ty này. Vậy nhà đầu tư này có thể nhận cổ tức bằng chứng khoán là bao nhiêu cổ phần mới.

- A. 200
- B. 290
- C. 1000
- D. 30

Câu 49: Cổ phiếu phổ thông của công ty SSC có thị giá hiện hành là 30\$ và cổ tức một năm là 3\$. Như vậy một nhà đầu tư đang sở hữu 2000 cổ phiếu của công ty này có hoa lợi hiện hành là bao nhiêu?

- A. 10%
- B. 15%
- C. 0,15%
- D. 20%

Câu 50. Câu nào sau đây thể hiện đúng nhất chứng khoán ngân quỹ.

- A. Không có quyền bỏ phiếu.
- B. Không được nhận cổ tức.
- C. Do đơn vị phát hành nắm giữ.
- D. Tất cả các phương án trên đều đúng.

Câu 51: Công ty Vĩnh Cửu dự kiến sẽ trả cổ tức 5 USD/ 1 cổ phần vào các năm tới. Giả sử cổ phiếu của công ty này đang được bán với giá 50\$/ 1 cổ phiếu. Các doanh nghiệp cùng ngành đang có tỷ suất lợi nhuận bình quân là 15%. Vậy tốc độ tăng trưởng cổ tức của công ty này dự kiến sẽ là:

- A. 5%
- B. 10%
- C. 8%
- D. 3%

Câu 52: Một nhà đầu tư đưa ra một lệnh bán chứng khoán với yêu cầu phải thực hiện ngay và thực hiện đầy đủ quy mô lệnh nếu không sẽ bị hủy bỏ ngay hoàn toàn lệnh đó. Đây là

- A. Lệnh giới hạn (limit order).

- B. Lệnh dừng (Stop order).
- C. Lệnh thực hiện ngay hoặc hủy bỏ (immediate or cancel order).
- D. Lệnh thực hiện ngay tất cả hoặc hủy bỏ ngay tất cả (fill or kill order).

Câu 53: Lưu ký chứng khoán nhằm.

- A. Giảm bớt chi phí và rủi ro trong quá trình giao dịch.
- B. Giúp nhà đầu tư thực hiện các quyền của mình đối với chứng khoán.
- C. Tập trung hóa và phi vật chất hóa chứng khoán.
- D. Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 54: Câu nào sau đây đúng về lệnh dừng. (stop order).

- A. Lệnh giới hạn thua lỗ khi giá chứng khoán tăng giá.
- B. Lệnh giới hạn thua lỗ khi chứng khoán giảm giá.
- C. Là lệnh đặc biệt của lệnh thị trường.
- D. Tất cả các phương án trên đều đúng.

Câu 55: Nhà đầu tư mua 10 trái phiếu XYZ có mệnh giá là 1000\$, lãi suất 5%/năm với giá 950\$. Vậy hàng năm nhà đầu tư này sẽ nhận được tiền lãi là:

- A. 50\$
- B. 500\$
- C. 575%
- D. 15%

Câu 56. Loại chứng khoán nào sau đây đại diện cho quyền sở hữu vốn tại một công ty cổ phần.

- A. Trái phiếu công ty.
- B. Trái phiếu đầu tư.
- C. Cổ phiếu phổ thông.
- D. Đặc quyền dài hạn mua cổ phiếu.

Câu 57> Nhà đầu tư mua trái phiếu có lãi suất 10%/năm theo mệnh giá tổng số tiền mua trái phiếu là 1 triệu USD. Vào cuối ngày trái phiếu có giá đóng cửa tăng 1/2 điểm. Vậy nhà đầu tư kiếm được.

- A. 2.500\$
- B. 25.000\$
- C. 5000\$
- D. 50.000\$

Câu 58. Trái phiếu khả hoán (1000\$) được chuyển đổi với giá 12,5\$ cho mỗi cổ phiếu phổ thông. Vậy mỗi trái phiếu khả hoán trên được đổi thành bao nhiêu cổ phiếu phổ thông.

- A. 80
- B. 95
- C. 100
- D. 105

Câu 59. Trái phiếu có thể chuyển đổi có mệnh giá 100\$ được chuyển đổi với giá chuyển đổi là 20\$/cổ phiếu. Nếu thị giá của trái phiếu giảm xuống còn 800\$ thì giá ngang bằng mới của cổ phiếu phổ thông là:

- A. 12\$
- B. 16\$
- C. 25\$
- D. 40\$

Câu 60. Câu nào sau đây đúng với chứng quyền (đặc quyền dài hạn mua cổ phiếu –warrant).

- A. Chứng quyền cho người sở hữu nó quyền lợi vĩnh viễn trong số chứng khoán của nhà phát hành.
- B. Chứng quyền có thời gian đáo hạn ngắn hơn quyền mua cổ phần.
- C. Chứng quyền được phát hành với mục tiêu giúp cho việc duy trì tỷ phần vốn của các cổ đông cũ.
- D. Tất cả các phương án trên đều sai.

Câu 61. Ông Hưng và một số cổ đông khác muốn bầu 3 trong số 5 ứng cử viên vào Hội đồng quản trị. Tổng số cổ phiếu đang lưu hành của công ty là 1.200.000. Để bầu 3 ủy viên Hội đồng quản trị như ý muốn thì ông Hưng và bè bạn của ông cần tối thiểu bao nhiêu phiếu bầu.

- A. 600.001
- B. 800.001
- C. 600.000
- D. 400.000

Câu 62. Giá trị chỉ số DowJones sẽ bị ảnh hưởng mạnh nhất do sự thay đổi giá trị của các loại cổ phiếu.

- A. Dịch vụ tiện ích.
- B. Vận tải.
- C. Công nghiệp.
- D. Tài chính-ngân hàng.

Câu 63. Một khách hàng đưa ra một lệnh mua với yêu cầu phải thực hiện ngay và thực hiện đầy đủ hoặc một phần nội dung của lệnh, phần còn lại không thực hiện hết phải hủy bỏ ngay. Đây là lệnh.

- A. Lệnh có hiệu lực cho đến khi hủy bỏ (good-till-cancelled order).
- B. Lệnh thực hiện ngay hoặc hủy bỏ (immediate or cancelled order).
- C. Lệnh thực hiện tất cả hoặc là không. (all or none order)
- D. Lệnh thực hiện tất cả ngay lập tức hoặc hủy bỏ tất cả ngay lập tức (fill or kill order).

Câu 64. Nhật lệnh (day order) được đưa ra để mua cổ phiếu công ty MV theo giá 24 đến lúc đóng cửa thị trường nhà môi giới đã mua 100 cổ phiếu với giá 23,5

và 200 cổ phiếu theo giá 24, phần còn lại được hủy bỏ. Vậy kết cục nào sau đây là đúng.

- A. Nhà đầu tư có thể hủy bỏ lệnh chưa hoàn tất nếu nhà môi giới không cung cấp đầy đủ số chứng khoán còn lại.
- B. Khách hàng có thể hủy bỏ lệnh này trừ khi nhà môi giới cam kết có thể mua 200 cổ phiếu còn lại trong vòng 5 ngày hành chính..
- C. Khách hàng phải chấp nhận 300 cổ phiếu đã mua và phần còn lại được hủy bỏ.
- D. Tất cả các kết cục trên đều không đúng.

Câu 65: Khung giá chứng khoán trong một ngày nào đó ghi như sau.

HT Company High 26 Low 24,5 Close 25,4

Nếu một khách hàng đặt lệnh mua 1000 cổ phiếu của công ty HT với giá 24 thì nhà đầu tư này sẽ mua cổ phiếu theo giá nào.

- A. 23+7/8
- B. 26
- C. 24
- D. Không mua được.

Câu 66. Nhà đầu tư mua một trái phiếu kho bạc vào ngày thứ hai, 4 tháng 4. Đây là loại trái phiếu J&J (Jan-July: trả lãi vào ngày 1 và tháng 7). Người bán sẽ nhận được tiền lãi tích lũy là bao nhiêu ngày.

- A. 94
- B. 90
- C. 92
- D. 91

Câu 67. Khoản mục nào sau đây không bị ảnh hưởng của việc phát hành trái phiếu.

- A. Tổng tài sản.
- B. Tài sản lưu động.
- C. Tổng nợ.
- D. Vốn cổ đông.

Câu 68. Giao dịch của một công ty đưa đến kết quả là tổng tài sản của công ty vẫn duy trì ổn định nhưng vốn cổ đông giảm. Câu nào sau đây đúng.

- A. Tổng nợ tăng.
- B. Tổng chi phí tăng.
- C. Nợ ngắn hạn giảm.
- D. Tài sản cố định tăng.

Câu 69. Một công ty có cổ phiếu đang được bán với giá 22\$/cổ phiếu. Nếu tất cả các trái chủ đều chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu thì:

- A. EPS sẽ giảm.

- B. EPS sẽ tăng.
- C. EPS không bị ảnh hưởng.
- D. P/E bị ảnh hưởng còn EPS thì không.

Câu 70. Dùng số liệu sau để trả lời câu hỏi.
(bảng số liệu).

Một nhà đầu tư VS có NAV là 9,3\$, nhà đầu tư K muốn đầu tư 30.000\$ vào quỹ này. Vậy nhà đầu tư K sẽ nhận được bao nhiêu chứng chỉ đầu tư của quỹ.

- A. 2951.
- B. 3000.
- C. 3049
- D. 3279

Câu 71. Nhà đầu tư mua cổ phần của một quỹ đầu tư với giá trị tài sản thuần (NAV) là 7,82\$ và lệ phí bán là 85. Vậy nhà đầu tư đã trả phí bán là.

- A. 0,68\$
- B. 0,74 \$
- C. 0,80 \$
- D. 0,87 \$

Câu 72. Câu nào sau đây đúng.

- A. Giá phí chọn mua tỷ lệ nghịch với thị giá chứng khoán cơ sở.
- B. Giá phí chọn mua không phụ thuộc vào giá chứng khoán cơ sở.
- C. Mức giá thực hiện tỷ lệ nghịch với giá phí chọn mua.
- D. Tất cả các phương án trên đều sai.

Câu 73. Vào ngày 6 tháng 7, thị giá cổ phiếu PXZ là 83\$/cổ phiếu. Một nhà đầu tư dự đoán giá cổ phiếu của công ty sẽ tăng trong vài tuần tới. Vì vậy ông ta mua một quyền chọn mua 100 cổ phiếu của công ty này với giá trị thực hiện là 90\$/cổ phiếu và giá phí quyền chọn là 1,375 \$/cổ phiếu trong thời hạn 6 tháng. Vào ngày 26 tháng 8 giá cổ phiếu của công ty tăng vọt đến mức 108,75 \$/cổ phiếu. Nhà đầu tư quyết định thực hiện quyền chọn này, khi đó ông ta sẽ lãi.

- A. 1.737,5\$
- B. 1.875 \$
- C. Bị thua lỗ.
- D. Không xác định được.

Câu 74. Chỉ tiêu Traynor và chỉ tiêu Sharpe dùng để đánh giá một danh mục đầu tư đôi khi cho kết quả không giống nhau là do.

- A. Chỉ tiêu Traynor không tính đến các yếu tố của rủi ro hệ thống.
- B. Chỉ tiêu Sharpe tính cả đến yếu tố rủi ro phi hệ thống.
- C. Chỉ tiêu Sharpe chỉ tính đến rủi ro hệ thống.
- D. Tất cả các câu trên đều đúng.

Câu 75. Giả sử tỷ suất thu nhập danh mục thị trường là 14%/năm, tỷ suất thu

nhập của tín phiếu kho bạc là 8%/năm, hệ số beeta của cổ phiếu XPQ là 0,6. Tỷ suất thu nhập dự tính của cổ phiếu XPQ là

- A. 11,6%.
- B. 15%
- C. 10,2%
- D. 11 %

Câu 76. Sự khác nhau giữa quyền chọn (option) và giao dịch tương lai (future) là.

- A. Quyền chọn bắt buộc phải thực hiện.
- B. Quyền chọn cố định thời điểm thực hiện.
- C. Giá thực hiện quyền chọn chỉ là giá tối đa hoặc giá tối thiểu.
- D. Tất cả các phương án trên đều đúng.

Câu 77. Công ty ADA vừa thành lập với số cổ phiếu phát hành lần đầu là 1.000.000 cổ phiếu, mệnh giá là 10\$/cổ phiếu. Số cổ phiếu này được bán với giá là 12\$/cổ phiếu. Vậy vốn chủ sở hữu của công ty sẽ là bao nhiêu sau khi phát hành cổ phiếu ra công chúng.

- A. 12.000.000 \$
- B. 1.000.000 \$
- C. 2.000.000 \$
- D. Không xác định được.

Câu 78. Công ty BDB khi mới thành lập phát hành 1.000.000 cổ phiếu với giá 8\$/cổ phiếu (mệnh giá 44). Sau một năm hoạt động, thu nhập sau thuế của công ty là 500.000 \$. Công ty quyết định chia sẻ cổ tức một nửa phần còn lại giữ lại công ty. Vậy vốn chủ sở hữu của công ty này là bao nhiêu sau 1 năm hoạt động.

- A. 8.000.000 \$.
- B. 4.000.000\$
- C. 8.250.000 \$
- D. 4.250.000 \$

Câu 79. Câu nào sau đây mô tả đúng vị thế của người bán quyền chọn bán. (a put writer).

- A. Người bán quyền chọn bán cam kết sẽ bán cho người mua quyền chọn (option buyer) một số lượng chứng khoán nhất định với giá đã ấn định trước.
- B. Người bán quyền chọn bán cho phép người mua quyền chọn được yêu cầu người bán quyền chọn phải mua một số lượng chứng khoán nhất định với giá xác định nếu người mua muốn như vậy.
- C. Người bán quyền chọn bán thường muốn bán các chứng khoán cơ sở.
- D. Phương án B và C đúng.

Câu 80. Đầu tư qua các quỹ đầu tư chứng khoán có lợi thế sau.

- A. Nhà đầu tư nhỏ cũng có thể đầu tư vào một danh mục đa dạng.

- B. Ít rủi ro hơn đầu tư riêng lẻ.
- C. Có thể có xác suất thành công cao hơn.
- D. Tất cả các phương án trên đều đúng.

Câu 81. Công ty MP được chấp thuận phát hành 1 triệu cổ phiếu phổ thông ra công chúng. Công ty đã phát hành 600.000 cổ phiếu. Trong đó có 40.000 cổ phiếu được lưu giữ tại công ty (inventory stock). Công ty công bố thanh toán cổ tức 2\$/cổ phần. Vậy công ty này có bao nhiêu cổ phiếu đang lưu hành.

- A. 40.000
- B. 560.000
- C. 600.000
- D. 1.000.000

Câu 82. Loại chứng khoán nào sau đây phù hợp với nhà đầu tư ưa mạo hiểm, thích rủi ro.

- A. Chứng khoán X có hệ số beta=1
- B. Chứng khoán Y có hệ số beta =0,9
- C. Chứng khoán Z có hệ số beta =1,4.
- D. Chứng khoán T không có rủi ro.

Câu 83. Một công ty có lợi nhuận gia tăng giữ cố định ở mức chỉ trả cổ tức. Nếu chỉ tính đến điều này thì bảng cân đối kế toán của công ty sẽ phản ánh.

- A. Tài sản lưu động giảm.
- B. Vốn cổ đông giảm.
- C. Lợi nhuận giữ lại giảm.
- D. Vốn cổ đông tăng.

Câu 84. Trong thời kỳ lạm phát, phương pháp kế toán FIFO (first in- first out) sẽ .

- A. Làm giảm lợi nhuận.
- B. Làm giảm thuế phải nộp.
- C. Làm tăng lợi nhuận.
- D. Tăng giá phí hàng bán.

Câu 85. Trong hoàn cảnh nào sau đây thì vốn chủ sở hữu sẽ giảm theo tỷ lệ phần trăm.

- A. Cổ tức trả bằng cổ phiếu.
- B. Phân chia chứng khoán.
- C. Trái phiếu khả hoán được chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông.
- D. Phát hành trái phiếu.

Câu 86. Năm 1988 Cục dự trữ Liên bang Hoa Kỳ phát hành một đợt trái phiếu có lãi suất cố định là 9%/năm, mệnh giá là 1000\$, đáo hạn vào năm 1998. Giả sử rằng vào năm 1993 bạn quyết định mua 10 trái phiếu phát hành vào năm 1988. Vậy bạn phải trả tối đa bao nhiêu cho mỗi trái phiếu trên. Biết rằng vào năm 1993

Cục dự trữ liên bang Hoa Kỳ cũng phát hành một đợt trái phiếu có mệnh giá là 1000\$, thời gian đáo hạn là 1998 nhưng lãi suất chỉ là 5%/năm.

- A. 1155,73\$
- B. 117,155\$
- C. 1200\$
- D. 1000\$

Câu 87. Công ty AC dự kiến có thể tăng trưởng với tốc độ 5%/năm. Cổ tức cũng sẽ tăng trưởng cùng sự tăng trưởng của công ty. Năm nay, cổ phiếu AC đang được bán với giá 100\$, sang năm tới dự kiến nó sẽ cho một khoản cổ tức là 5\$. Vậy tỷ suất thu nhập kỳ vọng của cổ phiếu công ty này là.

- A. 15%.
- B. 5%.
- C. 10%
- D. 7%.

Câu 88. Bảng giá chứng khoán của một công ty ngày 4 tháng 9 năm 2007 như sau.

52weeks									
High	Stock	Div	Yid	P/E	Sale	High	Low	Close	
low									
80	ABC	0,72	0,1	12	3329	78	68	72	
40									

Theo bảng trên giá đóng cửa của của ngày 3 tháng 1 năm 2007 là.

- A. 73.
- B. 73,5.
- C. 72
- D. 70,5.

Câu 89. Bảng giá chứng khoán của một công ty ngày 4 tháng 1 năm 2007 như sau.

(bảng)

Thu nhập trên mỗi cổ phần của công ty ABC là.

- A. 0,72\$
- B. 3\$
- C. 6\$.
- D. 33\$

Câu 90. Một nhà đầu tư đưa ra một lệnh cho nhà môi giới mua 1000 cổ phiếu HXQ với giá 20\$ ngay lập tức nếu không được thì hủy bỏ ngay hoàn toàn lệnh đó.

- A. Đây là lệnh có hiệu lực cho đến khi hủy bỏ (good –till cancelled order).

- B. Đây là nhật lệnh (day order).
- C. Đây là lệnh thực hiện ngay tất cả hoặc hủy bỏ ngay tất cả (fill or kill order).
- D. Lệnh thực hiện tất cả hoặc là không (all or none order).

Câu 91. Khi tổ chức bảo lãnh không chịu trách nhiệm đối với các chứng khoán không phát hành hết thì hình thức bảo lãnh này là.

- A. Bảo lãnh với cam kết chắc chắn.
- B. Bảo lãnh với cố gắng tối đa.
- C. Bảo lãnh với cam kết dự phòng.
- D. Bảo lãnh với cam kết tất cả hoặc là không.

Câu 92. Khi chứng khoán trong tài khoản margin tăng giá thì khoản mục nào sau đây sẽ tăng.

- A. Số nợ sẽ tăng.
- B. Lợi nhuận sẽ tăng.
- C. Vốn tăng.
- D. Phương án B và C đúng.

Câu 93. Các nhà kinh tế dùng thuật ngữ nào để chỉ chiều hướng đi xuống của nền kinh tế kéo dài hơn 2 quý liên tiếp.

- A. Lạm phát (inflation).
- B. Vừa trì trệ vừa lạm phát (stagflation).
- C. Khủng hoảng (depression).
- D. Suy thoái. (recession).

Câu 94. Niêm yết cửa sau (back- door listing) là.

- A. Niêm yết không chính thức tại sàn giao dịch.
- B. Một tổ chức niêm yết chính thức sáp nhập, thôn tính một tổ chức chưa niêm yết và kết quả là tổ chức không niêm yết nắm được quyền kiểm soát tổ chức niêm yết.
- C. Là việc yết giá ở cửa sau của Sở giao dịch.
- D. Tất cả các phương án trên đều sai.

Câu 95. Thông số nào sau đây chỉ dẫn nghịch chiều (contrary indicator).

- A. Giao dịch lô lẻ.
- B. Tỷ số P/E
- C. Bán khống.
- D. Phương án A và C đúng.

Câu 96. Có số liệu sau về hai loại cổ phiếu.

Xác suất	Thu nhập của ROTH	Thu nhập của HENR
20%	-15%	8%
70%	10%	14%
10%	30%	15%

Hãy xác định thu nhập kỳ vọng và độ lệch chuẩn của thu nhập cho mỗi danh mục đầu tư mà có 50% cổ phiếu của ROTH và 50% cổ phiếu của HEN.

- A. Thu nhập kỳ vọng 10,3% và độ lệch chuẩn là 9,62%.
- B. Thu nhập kỳ vọng là 9,95% và độ lệch chuẩn là 8,64%.
- C. Thu nhập kỳ vọng là 9,95 và độ lệch độ lệch chuẩn là 7,41%.
- D. Thu nhập kỳ vọng là 8,715 và độ lệch chuẩn là 9,22%.

Câu 97. Giả sử tỷ suất thu nhập và mức rủi ro của 3 quỹ A, B, C được tính cho 5 năm gần nhất là.

Các quỹ	Tỷ suất thu nhập	Rủi ro (độ lệch chuẩn)
A	15	16%
B	13	18%
C	12	11%

Theo chỉ tiêu Sharpe (Sharpe's index) hoạt động của quỹ nào là khả quan nhất nếu lãi suất không có rủi ro là 7%.

- A. Quỹ A
- B. Quỹ B
- C. Quỹ C
- D. Quỹ A và quỹ B

Câu 98. Giả sử tỷ suất thu nhập và mức rủi ro của 3 quỹ J, P, F được tính cho 5 năm gần nhất là.

Các quỹ	Tỷ suất thu nhập	Bêta
J	15	1,15
P	13	1,25
F	12	0,90

Nếu mức lãi suất không có rủi ro là 7%. Theo chỉ tiêu Traynor, quỹ nào hoạt động tốt nhất.

- A. Quỹ J
- B. Quỹ P
- C. Quỹ F
- D. Quỹ P và F.

Câu 99. Cho các số liệu sau về danh mục đầu tư V, danh mục 500 cổ phiếu S&P tín phiếu kho bạc 3 tháng trong 5 năm gần đây.

Năm	Thu nhập của quỹ V	Thu nhập S&P's 500 (%)	Thu nhập của tín phiếu kho bạc(%)
20X1	10	11	6
20X2	-2	-5	5

20X3	13	12	7
20X4	9	11	6
20X5	11	13	7

Tính chỉ tiêu Sharpe cho quỹ V trong giai đoạn 5 năm kể trên.

- A. 0,48.
- B. 0,38.
- C. 0,78.
- D. 0,92.

Câu 100. Giả sử lãi suất tín phiếu kho bạc là 7%/năm. Có thông tin về 3 danh mục đầu tư M, P, Q như sau.

Danh mục	Thu nhập (12%)	Bêta	Rủi ro (%)
M	12	1,2	15
P	14	1,1	12
Q	16	1,4	18

Với chỉ tiêu Traynor hãy sắp xếp các danh mục đầu tư theo thứ tự tăng dần.

- A. M-P-Q
- B. Q-P-M
- C. P-M-Q
- D. Q-M-P.